

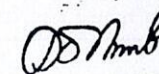
LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ
HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 2 NĂM 2024

Phụ lục 3

KẾT QUẢ PHÚC TRA
KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 2 NĂM 2024
KHU VỰC PHÍA NAM

(Ban hành kèm theo Thông báo số 08/TB-HĐKT ngày 03 tháng 01 năm 2025
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 2/2024)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và U'XNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và U'XNNLSVN	KẾT QUẢ
1	Nguyễn Hoàng	An	05/08/1998	TP.HCM	0006	38	56.5	60	36.25		KHÔNG ĐẠT
2	Nguyễn Thị Thùy	An	29/06/1997	TP.HCM	0009	48.75	68.25	65	48		KHÔNG ĐẠT
3	Hà Thị Vân	Anh	01/05/1985	TP.HCM	0021	47.75	56.25	67.5	47.75		KHÔNG ĐẠT
4	Ngô Thị Tuyết	Anh	27/11/1994	TP.HCM	0030	54.5	45.25	57.5		47.5	KHÔNG ĐẠT
5	Nguyễn Ngọc	Anh	04/08/1984	TP.HCM	0033	27.75	55	67.5	26.25		KHÔNG ĐẠT
6	Nguyễn Thị Bích	Anh	01/06/1984	TP.HCM	0034	71.5	45.25	57.5		50.37	ĐẠT
7	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	13/04/1997	TP.HCM	0035	42	68.25	67.5	34.5		KHÔNG ĐẠT
8	Nguyễn Thị Tường	Anh	02/02/1995	TP.HCM	0040	33	21.5	57.5	28.25	41.375	KHÔNG ĐẠT
9	Nguyễn Tuấn	Anh	07/12/1999	TP.HCM	0043	40	77.25	67.5	43.75		KHÔNG ĐẠT
10	Ông Mỹ	Anh	08/07/1986	BR-VT	0044	28.75	54	65	20		KHÔNG ĐẠT
11	Phạm Hùng	Anh	01/05/1996	TP.HCM	0045	33.5	55	62.5	23.75		KHÔNG ĐẠT
12	Phạm Thị Thùy	Anh	27/02/1994	TP.HCM	0048	55.5	46	57.5		45.5	KHÔNG ĐẠT



TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
13	Trần Thị Ngọc	Ánh	11/08/1998	Đà Nẵng	0060	39.75	44.75	52.5	40	37.475	KHÔNG ĐẠT
14	Nguyễn Khắc Chí	Bằng	09/01/1999	Đồng Nai	0062	51.5	38.25	67.5		37.5	KHÔNG ĐẠT
15	Mai Văn	Bé	01/01/1988	Bạc Liêu	0067	22.5	55.75	57.5	30		KHÔNG ĐẠT
16	Thị	Bích	15/10/1992	TP.HCM	0068	24.5	44	62.5	26.75	44	KHÔNG ĐẠT
17	Dương Ngọc Thái	Bình	23/08/1986	TP.HCM	0073	38.25	59	62.5	38.25		KHÔNG ĐẠT
18	Mã Văn	Bình	04/10/1985	TP.HCM	0076	38.25	59	52.5	51.5		ĐẠT
19	Nguyễn Minh	Cánh	12/05/1998	TP.HCM	0083	38.25	70.5	50	29.375		KHÔNG ĐẠT
20	Đỗ Ngọc Kim	Chi	15/05/1998	TP.HCM	0091	37.25	56	50	32		KHÔNG ĐẠT
21	Vũ Thị	Chi	28/03/1989	TP.HCM	0096	42.5	55.25	60	51.5		ĐẠT
22	Nguyễn Thị	Chúc	25/02/1997	TP.HCM	0104	45.25	51.75	57.5	45.25		KHÔNG ĐẠT
23	Trương Bảo	Chung	20/05/1994	TP.HCM	0105	34.75	57	55	28.75		KHÔNG ĐẠT
24	Trần Việt	Chương	14/12/1986	TP.HCM	0107	50.25	43.75	50		45.75	KHÔNG ĐẠT
25	Đình Thanh	Công	21/03/1992	TP.HCM	0109	48.75	66	62.5	48.75		KHÔNG ĐẠT
26	Trần Văn	Công	23/06/1977	TP.HCM	0112	43	54	60	43.75		KHÔNG ĐẠT
27	Võ Chí	Công	03/10/1995	TP.HCM	0113	39.75	68.25	77.5	38		KHÔNG ĐẠT
28	Nguyễn Chí	Cường	18/12/1977	TP.HCM	0121	26.25	37.25	50	13.75	29.875	KHÔNG ĐẠT
29	Phạm Tấn Sĩ	Dân	18/10/1991	Ninh Thuận	0128	26.75	52.5	52.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
30	Trần Thị Thuý	Dân	02/02/1998	Đà Nẵng	0129	43.75	72.75	80	43.75		KHÔNG ĐẠT
31	Mai Anh	Đào	19/05/1995	Tây Ninh	0132	46	63.75	80	43.5		KHÔNG ĐẠT
32	Trần Thị Ánh	Đào	08/04/1980	TP.HCM	0133	43.25	65.5	75	33		KHÔNG ĐẠT
33	Lê Quang	Đạt	08/01/1998	TP.HCM	0138	40.75	60.25	67.5	41.75		KHÔNG ĐẠT

Đ. N. M. B.

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
34	Nguyễn Thành	Đạt	18/09/1983	TP.HCM	0140	46.25	58.25	57.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
35	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	15/01/1974	Tiền Giang	0145	38	52.5	50	29.25		KHÔNG ĐẠT
36	Nguyễn Ngọc	Diệu	24/10/1989	Cần Thơ	0149	38.75	52.25	66.5	44		KHÔNG ĐẠT
37	Bùi Thị Thùy	Dung	25/06/1998	TP.HCM	0161	31.5	77.25	55	45.75		KHÔNG ĐẠT
38	Huỳnh Thị Thùy	Dung	28/05/1998	Đà Nẵng	0164	33.5	54.25	50	35		KHÔNG ĐẠT
39	Trần Nguyễn Phụng	Dung	15/09/1987	TP.HCM	0169	41.25	56.25	55	38.5		KHÔNG ĐẠT
40	Đặng Trí	Dũng	24/06/1996	TP.HCM	0170	41.75	68.5	55	36.25		KHÔNG ĐẠT
41	Dương Ngọc Thùy	Dương	01/01/1996	TP.HCM	0177	28.75	54.75	60	33.75		KHÔNG ĐẠT
42	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	19/03/1998	TP.HCM	0181	46	54	52.5	43.75		KHÔNG ĐẠT
43	Trần Minh	Dương	28/04/1980	TP.HCM	0185	34.5	52	50	25		KHÔNG ĐẠT
44	Phan Tấn	Duy	19/08/1987	Đắk Nông	0197	35	57	55	36.375		KHÔNG ĐẠT
45	Lê Thị Lệ	Duyên	03/03/1973	TP.HCM	0204	37.75	82	62.5	37.25		KHÔNG ĐẠT
46	Nguyễn Văn	E	08/03/1968	Cần Thơ	0210	24	60.25	50	32.5		KHÔNG ĐẠT
47	Trần Thị Kim	Gấm	27/08/1994	TP.HCM	0211	60.5	38.75	62.5		41.5	KHÔNG ĐẠT
48	Lê Khắc	Ghi	10/05/1986	TP.HCM	0212	39.375	58.75	57.5	39.375		KHÔNG ĐẠT
49	Trần Bảo	Giang	05/02/1985	Đồng Nai	0213	37.75	54.25	50	36		KHÔNG ĐẠT
50	Trần Hà	Giang	02/06/1977	Cà Mau	0220	38	35	57.5	38	38.5	KHÔNG ĐẠT
51	Nguyễn Thanh	Giàu	27/06/1997	TP.HCM	0229	34.25	81.75	56	35		KHÔNG ĐẠT
52	Nguyễn Duy	Hà	02/01/1999	TP.HCM	0235	31.25	70.75	60	41		KHÔNG ĐẠT
53	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/09/1999	TP.HCM	0239	41.75	67.25	68.5	42		KHÔNG ĐẠT
54	Trần Thị Ngọc	Hà	16/01/1961	TP.HCM	0246	27	60	52.5	20		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
55	Bùi Thanh	Hải	09/09/1975	TP.HCM	0249	17	51.25	60	39.25		KHÔNG ĐẠT
56	Lý Minh	Hải	10/08/1998	TP.HCM	0254	42.25	62.75	57.5	42.25		KHÔNG ĐẠT
57	Nguyễn Văn	Hải	03/08/1975	TP.HCM	0258	39.25	51.75	50	34		KHÔNG ĐẠT
58	Nguyễn Văn	Hải	20/12/1984	BR-VT	0259	37.75	53.5	57.5	41.125		KHÔNG ĐẠT
59	Phạm Văn	Hải	02/11/1978	TP.HCM	0260	37.5	66.25	62.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
60	Trần Ngọc	Hân	06/02/1989	TP.HCM	0265	36	55.25	55	37.75		KHÔNG ĐẠT
61	Bùi Thị Thúy	Hằng	20/06/1997	TP.HCM	0268	53.25	41	60		38.25	KHÔNG ĐẠT
62	Lâm Mộng	Hằng	15/08/1981	Cần Thơ	0269	37.25	38.25	55	37.25	36.875	KHÔNG ĐẠT
63	Lê Thị Mỹ	Hằng	26/04/1983	Tiền Giang	0270	42	54.25	60	40.25		KHÔNG ĐẠT
64	Phùng Thị Mỹ	Hằng	15/06/1988	TP.HCM	0276	42.5	54.5	64	38.25		KHÔNG ĐẠT
65	Trần Thị Mỹ	Hằng	02/11/1999	TP.HCM	0278	42.5	66	82	23		KHÔNG ĐẠT
66	Trần Thị Tuyết	Hằng	05/06/1977	Cần Thơ	0280	45	58.25	70	35		KHÔNG ĐẠT
67	Phạm Văn	Hanh	10/02/1981	Đà Nẵng	0282	22.5	50.75	70.5	24.5		KHÔNG ĐẠT
68	Đình Quang	Hào	27/04/1971	TP.HCM	0287	44.24	56	72.5	44.24		KHÔNG ĐẠT
69	Huỳnh Anh	Hào	05/12/1995	TP.HCM	0288	43.5	52.25	75	43.5		KHÔNG ĐẠT
70	Hoàng Văn	Hào	05/05/1975	TP.HCM	0291	28.5	53.5	71	18.75		KHÔNG ĐẠT
71	Nguyễn Duy	Hậu	23/04/1984	Bình Thuận	0295	37.75	42.5	68	30.75	48.25	KHÔNG ĐẠT
72	Nguyễn Thị	Hiền	03/07/1997	TP.HCM	0301	51	32.25	62.5		31.625	KHÔNG ĐẠT
73	Phạm Thanh	Hiền	18/02/1992	TP.HCM	0303	29.75	76.75	77.5	40.25		KHÔNG ĐẠT
74	Trần Văn	Hiếu	15/04/1996	TP.HCM	0312	46	68	62.5	40		KHÔNG ĐẠT
75	Danh Minh	Hoà	11/03/1993	TP.HCM	0316	34.75	55.75	67.5	29		KHÔNG ĐẠT

QSTmb

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
76	Nguyễn Tấn	Hoà	20/10/1976	Quảng Ngãi	0317	52.25	46.75	70		43.875	KHÔNG ĐẠT
77	Phan Thị Ái	Hòa	08/05/1975	TP.HCM	0320	50	42	52.5		38.125	KHÔNG ĐẠT
78	Tô Thanh	Hòa	25/03/1993	Cần Thơ	0321	26.75	72.5	67.5	28.75		KHÔNG ĐẠT
79	Nguyễn Thị Thu	Hoài	18/11/1990	TP.HCM	0322	44	76.25	67.5	35.25		KHÔNG ĐẠT
80	Nguyễn Minh	Hoàng	28/11/1996	TP.HCM	0325	33.75	65.5	60	38.75		KHÔNG ĐẠT
81	Trần Duy	Hoàng	10/01/1994	TP.HCM	0329	43.25	74.5	60	32.5		KHÔNG ĐẠT
82	Phạm Thị Ngọc	Hồng	20/01/1996	Bình Dương	0342	40	59	60	43		KHÔNG ĐẠT
83	Trần Thị	Hồng	04/10/1999	TP.HCM	0344	35	57.75	50	30		KHÔNG ĐẠT
84	Võ Thị	Hồng	16/09/1998	TP.HCM	0345	33.75	57	60	25		KHÔNG ĐẠT
85	Trần Thị Minh	Huệ	01/01/1995	TP.HCM	0350	38.25	72.5	60	30.75		KHÔNG ĐẠT
86	Nguyễn Vĩnh	Hùng	10/05/1997	BR-VT	0356	41	70.5	67.5	35.5		KHÔNG ĐẠT
87	Đỗ	Hưng	01/10/1954	TP.HCM	0360	10	34.5	57.5	13.75	35.5	KHÔNG ĐẠT
88	Vũ Thị Mai	Hương	05/07/1990	TP.HCM	0376	34.5	52	50	37		KHÔNG ĐẠT
89	Nguyễn Thị Mỹ	Hường	21/09/1998	TP.HCM	0378	41.25	86.75	70	41.25		KHÔNG ĐẠT
90	Trương Tiến	Huy	01/03/1977	TP.HCM	0389	50	42.5	55		41	KHÔNG ĐẠT
91	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/08/1997	TP.HCM	0398	40.25	65.25	60	31.25		KHÔNG ĐẠT
92	Phạm Ngọc Thanh	Huyền	18/04/1985	TP.HCM	0400	28.75	56	50	26.25		KHÔNG ĐẠT
93	Lê Trúc	Huỳnh	12/12/1997	TP.HCM	0403	41.75	53	52.5	41.75		KHÔNG ĐẠT
94	Trần Thanh	Khải	01/12/1989	Kiên Giang	0407	34	56	75	39.75		KHÔNG ĐẠT
95	Nguyễn Việt	Khoa	14/02/1991	TP.HCM	0417	45	69.75	75	40.75		KHÔNG ĐẠT
96	Hồng Nguyễn Đình	Khôi	11/06/1988	TP.HCM	0422	45	73.5	70	45		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
97	Đoàn Thị Diễm	Kiều	14/10/1973	Đà Nẵng	0425	46.75	58.5	75	45.25		KHÔNG ĐẠT
98	Trần Thị	Lài	01/08/1988	TP.HCM	0429	35	73.75	70	32.5		KHÔNG ĐẠT
99	Nguyễn Tùng	Lâm	16/07/1968	Cà Mau	0433	33.75	50	55	30		KHÔNG ĐẠT
100	Vũ Thị	Lan	17/08/1996	TP.HCM	0441	48.75	64.5	67.5	48.75		KHÔNG ĐẠT
101	Mai Thị	Liên	21/12/1988	Đà Nẵng	0446	31	48	50	31.25	47.375	KHÔNG ĐẠT
102	Đoàn Hoàng	Linh	04/12/1984	Đà Nẵng	0454	30.5	58.5	75	26.25		KHÔNG ĐẠT
103	Lê Hồng Thảo	Linh	27/05/1995	Khánh Hòa	0458	51.5	43.75	52.5		46.12	KHÔNG ĐẠT
104	Lê Thị Kiều	Linh	04/09/1997	TP.HCM	0459	38.5	37.5	62.5	33	42.5	KHÔNG ĐẠT
105	Mai Thị Cẩm	Linh	10/09/1994	TP.HCM	0461	43	75.75	67.5	50		ĐẠT
106	Nguyễn Duy	Linh	08/06/1983	TP.HCM	0462	51.75	43	50		46.12	KHÔNG ĐẠT
107	Nguyễn Nhựt	Linh	25/10/1997	TP.HCM	0467	30.75	66	70	30.75		KHÔNG ĐẠT
108	Phạm Thuỳ	Linh	20/06/1995	TP.HCM	0472	56.25	37.5	60		45.25	KHÔNG ĐẠT
109	Đỗ Thị Hoài	Loan	09/12/1992	TP.HCM	0480	30.5	74.5	72.5	30		KHÔNG ĐẠT
110	Nguyễn Tấn	Lộc	19/11/1997	Cần Thơ	0486	35.5	66.25	62.5	33.75		KHÔNG ĐẠT
111	Nguyễn Đình Khánh	Long	31/07/1988	Bình Dương	0493	35.5	59.5	72.5	33.75		KHÔNG ĐẠT
112	Nguyễn Phi	Long	22/11/1997	TP.HCM	0496	41	63.75	50	47		KHÔNG ĐẠT
113	Nguyễn Văn	Long	12/04/1991	TP.HCM	0500	35.25	56.75	52.5	35.25		KHÔNG ĐẠT
114	Vũ Hoàng	Long	07/06/1984	TP.HCM	0503	50.75	43.5	52.5		35.5	KHÔNG ĐẠT
115	Tô Minh	Luân	13/11/1999	Vĩnh Long	0505	45	74.75	60	40.25		KHÔNG ĐẠT
116	Hoàng Hương	Ly	10/11/1998	TP.HCM	0509	48.5	67.25	62.5	48.5		KHÔNG ĐẠT
117	Võ Thị Phương	Mai	02/11/1995	TP.HCM	0523	43.75	57	60	35		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
118	Trần Thanh	Mãi	20/01/1988	Đăk Nông	0524	41.25	63.5	51.5	41.25		KHÔNG ĐẠT
119	Bùi Thị	Mẫn	06/01/1985	TP.HCM	0525	52.5	29.25	52.5		33.75	KHÔNG ĐẠT
120	Nguyễn Thanh	Minh	06/08/1993	Đồng Nai	0536	52	43.25	54		48	KHÔNG ĐẠT
121	Nguyễn Thị Diệu	Minh	17/06/1989	TP.HCM	0538	44.375	53.75	54.5	44.375		KHÔNG ĐẠT
122	Phạm Nhật	Minh	14/11/1998	TP.HCM	0539	44.5	67	51	38.75		KHÔNG ĐẠT
123	Phan Quang	Minh	23/10/1996	TP.HCM	0540	23.75	50.25	57.5	24.125		KHÔNG ĐẠT
124	Nguyễn Thị Diễm	My	17/11/1999	TP.HCM	0549	35.75	65.75	78.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
125	Trần Hoàng	My	16/03/1995	TP.HCM	0552	44.25	70.5	78.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
126	Đinh Văn	Nam	14/02/1998	TP.HCM	0554	41.25	54.5	72.5	50		ĐẠT
127	Dương Thị Vân	Nga	12/07/1981	TP.HCM	0562	48.75	55.75	76.5	48.75		KHÔNG ĐẠT
128	Lê Trần Minh	Ngân	21/11/1997	TP.HCM	0568	41.25	70.25	54	34		KHÔNG ĐẠT
129	Phan Thị	Ngân	06/11/1995	TP.HCM	0574	50	40.75	51		46.87	KHÔNG ĐẠT
130	Trương Thủy	Ngân	27/01/1985	Cần Thơ	0578	40	62	57.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
131	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	19/07/1986	TP.HCM	0583	38.75	57.5	62.5	38		KHÔNG ĐẠT
132	Phan Trọng	Nghĩa	26/02/1989	TP.HCM	0584	50.75	43.5	59		42	KHÔNG ĐẠT
133	Trần Tuấn	Nghĩa	22/12/1997	TP.HCM	0586	43.25	69	55	41.25		KHÔNG ĐẠT
134	Hồ Lê Hoàng	Ngọc	17/08/1997	Đà Nẵng	0590	39.25	62.5	57.5	43.75		KHÔNG ĐẠT
135	Lê Phùng Bảo	Ngọc	09/05/1997	TP.HCM	0592	21.25	37.25	60	30.875	43.625	KHÔNG ĐẠT
136	Lê Phương Bảo	Ngọc	15/10/1989	TP.HCM	0593	35.75	33.5	74.5	28.75	40.12	KHÔNG ĐẠT
137	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	14/01/1995	Bạc Liêu	0595	44.25	74.25	52.5	41.25		KHÔNG ĐẠT
138	Đặng Văn	Ngư	22/05/1979	Đăk Nông	0604	60.75	43.75	50		42.5	KHÔNG ĐẠT

QĐMB

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
139	Hoàng Thị	Nguyên	14/06/1993	TP.HCM	0606	33	62.5	57.5	40.125		KHÔNG ĐẠT
140	Lê Khôi	Nguyên	16/01/1995	TP.HCM	0609	45	66.5	67.5	44.875		KHÔNG ĐẠT
141	Lê Thị Thảo	Nguyên	21/09/1999	Bến Tre	0610	41.75	79	52.5	37.75		KHÔNG ĐẠT
142	Lý Hồng	Nguyên	17/06/1985	TP.HCM	0612	33.75	73.75	50	31.25		KHÔNG ĐẠT
143	Huỳnh Thanh	Nguyệt	15/09/1991	TP.HCM	0621	43.75	62.5	67.5	40.5		KHÔNG ĐẠT
144	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	02/01/1996	TP.HCM	0623	41.25	66.5	67.5	31.25		KHÔNG ĐẠT
145	Phạm Thị	Nguyệt	10/08/1992	TP.HCM	0624	41.25	67.5	77.5	40.125		KHÔNG ĐẠT
146	Trần Thị Minh	Nguyệt	09/11/1997	TP.HCM	0625	43.75	57.25	80	40		KHÔNG ĐẠT
147	Võ Thị Hồng	Nguyệt	24/10/1996	TP.HCM	0626	44.25	54.75	80	35.25		KHÔNG ĐẠT
148	Huỳnh Thị Thanh	Nhân	06/11/1996	TP.HCM	0630	44	61.5	82.5	40.375		KHÔNG ĐẠT
149	Võ Thành	Nhân	17/03/1992	TP.HCM	0635	33	51.5	62.5	27.5		KHÔNG ĐẠT
150	Lê Đình	Nhi	20/07/1975	Quảng Nam	0640	36.75	51.5	67.5	41.25		KHÔNG ĐẠT
151	Lê Kiều	Nhi	28/02/1997	Đắk Lắk	0641	39.5	70.25	72.5	32.5		KHÔNG ĐẠT
152	Nguyễn Thị Thái	Nhi	04/02/1994	TP.HCM	0642	34	60.5	82.5	28		KHÔNG ĐẠT
153	Nguyễn Thị	Nhiễn	21/01/1990	Cần Thơ	0650	33.5	64	52.5	28.75		KHÔNG ĐẠT
154	Đinh Thị	Nhung	13/05/1999	TP.HCM	0655	38.75	57.5	72.5	36.25		KHÔNG ĐẠT
155	Phan Hoàng	Nhật	20/10/1975	TP.HCM	0664	37.5	72.75	52.5	32.75		KHÔNG ĐẠT
156	La Thị	Ni	04/11/1995	TP.HCM	0665	38.75	58.75	72.5	35		KHÔNG ĐẠT
157	Đặng Văn	Ninh	16/08/1984	TP.HCM	0668	43	53.5	72.5	33.75		KHÔNG ĐẠT
158	Võ Thị	Nữ	19/10/1990	Kiên Giang	0670	36.5	58.25	62.5	33		KHÔNG ĐẠT
159	Đỗ Hoàng	Oanh	02/03/1984	Bình Dương	0671	40.75	55.75	77.5	39.75		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
160	Trần Thị Kim	Oanh	09/04/1974	TP.HCM	0676	28.25	57.5	52.5	34.5		KHÔNG ĐẠT
161	Huỳnh Tấn	Pháp	28/04/1997	Quảng Ngãi	0680	46.875	60.75	57.5	46.875		KHÔNG ĐẠT
162	Đoàn Văn	Phát	01/12/1988	TP.HCM	0681	40.75	69.25	52.5	41.25		KHÔNG ĐẠT
163	Hồ Văn	Phong	20/11/1964	TP.HCM	0687	34.75	45.375	52.5	29.75	39.25	KHÔNG ĐẠT
164	Kim Điền	Phong	15/07/1993	Hậu Giang	0688	42.5	58.75	55	35		KHÔNG ĐẠT
165	Trương Ứng	Phong	12/12/1996	TP.HCM	0691	40.75	66.5	67.5	33.25		KHÔNG ĐẠT
166	Nguyễn Minh	Phú	25/01/1996	TP.HCM	0694	41.25	55.75	57.5	38.25		KHÔNG ĐẠT
167	Huỳnh Minh	Phúc	26/04/1997	TP.HCM	0700	38.25	60.75	52.5	37.25		KHÔNG ĐẠT
168	Lê Văn	Phúc	25/04/1982	TP.HCM	0701	31.5	70.25	52.5	28.75		KHÔNG ĐẠT
169	Nguyễn Phạm Thiên	Phúc	30/10/1991	TP.HCM	0702	38.75	51.5	57.5	50		ĐẠT
170	Đặng Thị	Phụng	05/02/1979	TP.HCM	0703	38.75	50.75	62.5	30.75		KHÔNG ĐẠT
171	Huỳnh Hoàng	Phương	21/01/1985	Cà Mau	0713	42.75	66.25	67.5	36.25		KHÔNG ĐẠT
172	Huỳnh Thị Bảo	Phương	20/12/1996	Gia Lai	0714	37	59.75	72.5	48.5		KHÔNG ĐẠT
173	Lê Anh	Phương	10/03/1995	Tây Ninh	0716	36.25	64.25	75	36.25		KHÔNG ĐẠT
174	Ngô Đình	Phương	16/08/1995	TP.HCM	0722	25.5	51.75	57.5	36.25		KHÔNG ĐẠT
175	Nguyễn Hồng	Phương	23/12/1998	TP.HCM	0724	31	65.75	57.5	35		KHÔNG ĐẠT
176	Nguyễn Ngọc Trúc	Phương	30/01/1995	Cần Thơ	0726	49.375	68.75	70	49.375		KHÔNG ĐẠT
177	Nguyễn Thị Hồng	Phương	22/07/1979	TP.HCM	0727	41.75	66	57.5	33.75		KHÔNG ĐẠT
178	Nguyễn Thị Ngân	Phương	10/10/1993	TP.HCM	0728	46.25	69	60	40.25		KHÔNG ĐẠT
179	Nguyễn Thị Thu	Phương	25/04/1998	Đà Nẵng	0729	38.75	82.5	65	38.75		KHÔNG ĐẠT
180	Trần Thanh	Phương	20/03/1973	TP.HCM	0733	41.75	58.5	62.5	46.25		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
181	Nguyễn Thị	Phượng	03/01/1995	Bình Dương	0738	39.5	62	77.5	33.75		KHÔNG ĐẠT
182	Bùi Xuân	Quang	14/11/1989	TP.HCM	0744	30.125	56.5	67.5	22.5		KHÔNG ĐẠT
183	Đặng Văn	Quang	06/04/1968	TP.HCM	0745	38.25	37	62.5	35	38	KHÔNG ĐẠT
184	Đinh Hoàng Phú	Quang	16/09/1983	TP.HCM	0746	39.5	68.75	62.5	30		KHÔNG ĐẠT
185	Lê Minh	Quang	22/01/1983	Vĩnh Long	0749	43.75	52	52.5	41		KHÔNG ĐẠT
186	Trần Thị Huỳnh	Quý	29/08/1978	TP.HCM	0755	50	38	65		45.25	KHÔNG ĐẠT
187	Văn Đình	Quốc	22/04/1993	TP.HCM	0759	33.5	54	70	35.25		KHÔNG ĐẠT
188	Nguyễn Ngọc Tú	Quyên	16/05/1999	TP.HCM	0762	41	77	62.5	32.25		KHÔNG ĐẠT
189	Phan Thị Ngọc	Quỳnh	01/01/1998	TP.HCM	0771	45	73	70	52.5		ĐẠT
190	Phạm Thị Như	Quỳnh	03/10/1998	TP.HCM	0772	25	66.25	50	22.5		KHÔNG ĐẠT
191	Trần Ngọc Như	Quỳnh	03/09/1997	TP.HCM	0773	36.5	62.5	55	36.5		KHÔNG ĐẠT
192	Tiền Lâm Vĩnh	San	20/01/1985	Bạc Liêu	0775	16	42	57.5	16.5	42.375	KHÔNG ĐẠT
193	Nguyễn Đình Quốc	Sang	05/11/1995	TP.HCM	0779	52.25	40.75	82.5		44.375	KHÔNG ĐẠT
194	Nguyễn Xuân	Sang	20/08/1980	BR-VT	0780	37.75	60.5	70	32		KHÔNG ĐẠT
195	Nguyễn Thị	Sen	10/11/1983	Bình Phước	0783	30.75	60.75	50	23		KHÔNG ĐẠT
196	Bùi Thị	Sinh	28/08/1998	TP.HCM	0785	41.5	59	51	45		KHÔNG ĐẠT
197	Nguyễn Minh	Sinh	11/10/1975	Phú Yên	0786	35.25	61.75	51	30.25		KHÔNG ĐẠT
198	Trần Hoàng	Sơn	10/08/1977	Đồng Tháp	0796	39	50.75	58	31.25		KHÔNG ĐẠT
199	Lê Thị Nguyên	Sử	20/04/1990	TP.HCM	0798	31	38.75	50	40	32.875	KHÔNG ĐẠT
200	Võ Thành	Tài	15/02/1994	Bình Phước	0806	56.25	42	60		44	KHÔNG ĐẠT
201	Nguyễn Thiện	Tâm	26/06/1999	TP.HCM	0812	36.25	67.75	64.5	32		KHÔNG ĐẠT

Đ. Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
202	Lê Văn	Tấn	24/04/1988	Vĩnh Long	0819	43.75	42	77.5	43.75	36.125	KHÔNG ĐẠT
203	Nguyễn Văn	Thắm	05/11/1959	Long An	0825	30.5	34.5	63.5	31.25	33.125	KHÔNG ĐẠT
204	Nguyễn Lương	Thắng	22/12/1975	TP.HCM	0827	41.25	56	73.5	32.25		KHÔNG ĐẠT
205	Nguyễn Đức	Thanh	31/03/1964	Bình Thuận	0838	34.75	60.25	52.5	29.25		KHÔNG ĐẠT
206	Nguyễn Hải	Thanh	04/07/1990	BR-VT	0839	40.5	79.75	77.5	32		KHÔNG ĐẠT
207	Nguyễn Nhật	Thanh	16/11/1983	BR-VT	0841	34.5	52.25	85	34.5		KHÔNG ĐẠT
208	Nguyễn Thị	Thanh	18/12/1966	Đồng Tháp	0842	53.25	48.75	70		43.5	KHÔNG ĐẠT
209	Nguyễn Tuyết	Thanh	22/05/1997	Đồng Nai	0843	37.5	67.75	77.5	26		KHÔNG ĐẠT
210	Phan Thị Xiêm	Thanh	08/03/1984	TP.HCM	0845	23.25	35.25	52.5	24.75	36.375	KHÔNG ĐẠT
211	Đình Đức	Thành	04/04/1990	TP.HCM	0847	45	68.75	62.5	36.25		KHÔNG ĐẠT
212	Hoàng Văn	Thành	26/11/1988	TP.HCM	0849	40	66	55	40		KHÔNG ĐẠT
213	Lê Trí	Thành	12/12/1969	BR-VT	0850	30.75	52	85	29.25		KHÔNG ĐẠT
214	Nguyễn Kim Nhật	Thành	20/10/1988	TP.HCM	0852	37	70.25	60	37		KHÔNG ĐẠT
215	Lê Hồng	Thao	03/01/1970	Đồng Nai	0856	51	46	50		42	KHÔNG ĐẠT
216	Lê Thị Phương	Thảo	05/07/1984	TP.HCM	0861	42.75	60.25	62.5	36		KHÔNG ĐẠT
217	Nguyễn Thị Bách	Thảo	14/04/1984	Bình Phước	0866	40	50	53	40		KHÔNG ĐẠT
218	Phạm Lê Phương	Thảo	20/07/1998	TP.HCM	0870	37.5	80.75	62	39.25		KHÔNG ĐẠT
219	Trần Minh	Thảo	19/09/1998	TP.HCM	0872	31.25	66	50	31.25		KHÔNG ĐẠT
220	Trương Thị Mai	Thảo	06/06/1990	Cần Thơ	0873	50.5	45.25	57		47.375	KHÔNG ĐẠT
221	Vũ Hoàng Mai	Thảo	16/04/1990	TP.HCM	0874	31.5	52.25	56.5	40		KHÔNG ĐẠT
222	Võ Thị Phương	Thi	22/03/1993	TP.HCM	0881	41.5	31.5	56.5	33.75	37.5	KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
223	Vi Văn	Thích	13/07/1997	TP.HCM	0882	36	72	60.5	33.75		KHÔNG ĐẠT
224	Ngô Mạnh	Thiên	11/08/1997	TP.HCM	0883	65	43.25	53		34.875	KHÔNG ĐẠT
225	Phạm Bá	Thiên	18/07/1996	Lâm Đồng	0884	34.75	74.25	61	33.25		KHÔNG ĐẠT
226	Nguyễn Ngọc	Thiệu	30/03/1993	Bình Phước	0889	52.5	44.75	50		43.25	KHÔNG ĐẠT
227	Huỳnh Quang	Thịnh	01/02/1997	TP.HCM	0891	37.25	58.5	50	37.25		KHÔNG ĐẠT
228	Nguyễn Văn	Thịnh	26/03/1998	Đà Nẵng	0894	40	69	57.5	31		KHÔNG ĐẠT
229	Võ Thị Hồng	Thịnh	02/03/1987	Kon Tum	0895	46.25	76.5	52.5	46.25		KHÔNG ĐẠT
230	Lê Nguyễn Hoài	Thơ	13/07/1982	Cần Thơ	0897	42	57	65	36.25		KHÔNG ĐẠT
231	Tổng Nguyên	Thọ	10/11/1992	Đà Nẵng	0898	33	77.5	52.5	30.25		KHÔNG ĐẠT
232	Lê Thị Ngọc	Thu	24/12/1995	Cần Thơ	0902	43.75	53.5	67.5	40.25		KHÔNG ĐẠT
233	Nguyễn Thị Phương	Thu	09/11/1996	TP.HCM	0903	31.25	61.25	65	38.75		KHÔNG ĐẠT
234	Nguyễn Thị Anh	Thư	15/02/1989	TP.HCM	0911	38.25	56	57.5	33.25		KHÔNG ĐẠT
235	Nguyễn Thị Minh	Thư	08/06/1997	TP.HCM	0912	39.5	72	57.5	48.75		KHÔNG ĐẠT
236	Võ Minh	Thuận	12/01/1998	TP.HCM	0925	43.5	62.75	50	43.5		KHÔNG ĐẠT
237	Nguyễn Thiện	Thức	07/05/1973	Cần Thơ	0927	39.375	57.5	50	39.375		KHÔNG ĐẠT
238	Hoàng Thị	Thương	01/02/1986	TP.HCM	0930	41.25	77.25	57	27		KHÔNG ĐẠT
239	Nguyễn Thị	Thương	17/06/1984	TP.HCM	0933	41	58.5	50	43.5		KHÔNG ĐẠT
240	Nguyễn Thị	Thủy	20/12/1973	Đồng Nai	0943	39.25	57.5	55	30.25		KHÔNG ĐẠT
241	Lê Thụy Cẩm	Thúy	12/11/1997	Tiền Giang	0947	42	53.5	83	42		KHÔNG ĐẠT
242	Nguyễn Thị Kim	Thúy	27/12/1990	TP.HCM	0950	45.5	55.75	56.5	44.25		KHÔNG ĐẠT
243	Trần Minh	Tiến	01/01/1984	TP.HCM	0965	43.75	64.75	77.5	52.5		ĐẠT

Đ. N. M. B.

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và U'XNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và U'XNNLSVN	KẾT QUẢ
244	Trần Thị Kim	Tiến	27/06/1995	TP.HCM	0966	40	73.5	78.5	38.125		KHÔNG ĐẠT
245	Hoàng Minh	Tiền	18/12/1988	Cần Thơ	0968	30.75	68	72	30		KHÔNG ĐẠT
246	Dương Quốc	Tính	20/08/1984	TP.HCM	0972	30.25	60.25	67.5	26		KHÔNG ĐẠT
247	Trần Văn	To	12/09/1962	Trà Vinh	0975	37.75	30.5	55	48.5	20.75	KHÔNG ĐẠT
248	Huỳnh Thị Yến	Trâm	15/01/1998	TP.HCM	0981	35.75	71	62.5	46.25		KHÔNG ĐẠT
249	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	24/03/1992	TP.HCM	0985	33.25	67.5	55	33.25		KHÔNG ĐẠT
250	Hồ Diệp	Trân	17/08/1977	TP.HCM	0989	19.5	50	65	30		KHÔNG ĐẠT
251	Lê Như	Trân	06/02/1986	Đồng Nai	0991	34.75	55	62.5	31.25		KHÔNG ĐẠT
252	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	11/04/1979	TP.HCM	1006	36.25	57.5	50	41.25		KHÔNG ĐẠT
253	Nguyễn Thị Yến	Trang	02/01/1991	TP.HCM	1009	30.25	51	50	25		KHÔNG ĐẠT
254	Ngụy Thị	Trang	25/10/1989	TP. Hà Nội	1010	43.75	56.5	50	37.5		KHÔNG ĐẠT
255	Dương Minh	Trí	13/06/1999	TP.HCM	1022	40.25	65.5	80	50		ĐẠT
256	Đỗ Nguyên Cẩm	Trúc	01/07/1994	TP.HCM	1033	44	51.75	55	44		KHÔNG ĐẠT
257	Hoàng Văn	Trung	16/11/1991	Đồng Nai	1039	42.5	78.25	55	42.25		KHÔNG ĐẠT
258	Lê Minh	Tú	28/04/1998	TP.HCM	1051	35.75	40.5	75	32.25	36	KHÔNG ĐẠT
259	Nguyễn Hoàng Phương	Tứ	25/07/1997	TP.HCM	1058	52.5	48	72.5		50.5	ĐẠT
260	Tăng Ngọc	Tuân	23/03/1995	Long An	1059	48.75	62	75	48.75		KHÔNG ĐẠT
261	Danh Thanh	Tuấn	07/01/1991	Cần Thơ	1063	42.55	51.25	65	38.75		KHÔNG ĐẠT
262	Dương Anh	Tuấn	05/01/1986	TP.HCM	1065	33	51.25	72.5	39.75		KHÔNG ĐẠT
263	Nguyễn Thanh	Tuấn	13/03/1992	Trà Vinh	1069	33.5	53	67.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
264	Phan Văn	Tuấn	12/09/1986	TP.HCM	1070	43.75	65	67.5	39.5		KHÔNG ĐẠT

QĐHmb

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXXNNLSVN	KẾT QUẢ
265	Võ Hồ Anh	Tuấn	26/02/1994	TP.HCM	1074	47.25	59.75	60	47.25		KHÔNG ĐẠT
266	Vũ Anh	Tuấn	01/05/1983	TP.HCM	1075	35.25	55	62.5	35.125		KHÔNG ĐẠT
267	Nguyễn Hồ Phương	Tuyền	21/11/1999	TP.HCM	1083	46.75	83	75	51		ĐẠT
268	Nguyễn Lê Kim	Tuyền	07/09/1998	TP.HCM	1084	51.25	45	70		52.87	ĐẠT
269	Nguyễn Thị	Uyên	16/05/1979	TP.HCM	1090	38.75	57.75	70	43.75		KHÔNG ĐẠT
270	Phan Trịnh Thanh	Uyên	13/09/1993	TP.HCM	1092	34	55	80	38.25		KHÔNG ĐẠT
271	Cao Thùy	Vân	07/11/1996	TP.HCM	1095	39.75	55.75	75	42.5		KHÔNG ĐẠT
272	Nguyễn Thị Hồng	Vân	23/08/1989	TP.HCM	1098	42	53.5	75	35.625		KHÔNG ĐẠT
273	Trịnh Thị Hoàng	Vân	08/09/1972	TP.HCM	1104	39.25	58.5	50	33.5		KHÔNG ĐẠT
274	Lê Văn	Vi	23/10/1976	TP.HCM	1109	42.5	56.75	50	42.5		KHÔNG ĐẠT
275	Nguyễn Tường	Vi	09/06/1993	TP.HCM	1111	31	66.75	50	30.5		KHÔNG ĐẠT
276	Vương Minh	Vị	29/10/1978	TP.HCM	1112	35.75	71.5	52.5	38.25		KHÔNG ĐẠT
277	Nguyễn Thành	Vinh	10/12/1978	TP.HCM	1117	48.75	68	52.5	48.75		KHÔNG ĐẠT
278	Phạm Trung Phan Xuân	Vinh	06/03/1986	TP.HCM	1118	28.25	65	60	37.25		KHÔNG ĐẠT
279	Hoàng Nguyên	Vũ	10/05/1979	Đồng Nai	1122	43.75	62	50	44.25		KHÔNG ĐẠT
280	Lê Thị Hồng	Vũ	23/02/1993	TP.HCM	1123	45.25	59.5	60	50		ĐẠT

ĐDAMB